

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày 26-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thuận

2. Bà Trần Thị Phúc Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức D; sinh ngày 21/11/1997 tại thôn H, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị Y; vợ, con: chưa có;

Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 31/8/2014 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tại bản án số 13/2015/HS-ST ngày 24/4/2015. Ngày 10/7/2016 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù tại bản án số 37/2016/HS-ST ngày 23/9/2016. Tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án buộc bị cáo Nguyễn Đức D phải chấp hành chung của 02 bản án là 15 tháng tù.

Tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 05 tháng 3 năm 2019. (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Minh V; sinh ngày 09/8/1993 tại thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không tôn giáo;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu T và bà Trần Thị T; vợ: Cao Thị Thanh H, sinh năm 1994; con: Trần Khánh A, sinh năm 2015;

Tiền án: Có 02 tiền án:

- Ngày 22/9/2014 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù tại bản án số 24/2015/HS-ST ngày 26/6/2015. Ngày 30/12/2014 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù tại bản án số 23/2015/HS-ST ngày 26/6/2015. Ngày 09/9/2015 Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình tuyên sửa bản án sơ thẩm số 24/2015/HS-ST ngày 26/6/2015 của Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, xử phạt 06 tháng tù tại bản án số 104/2015/HSPT ngày 09/9/2015. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù tại bản án số 23/2015/HS-ST ngày 26/6/2015 của Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình buộc Trần Minh V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12 tháng tù.

- Ngày 18/6/2017 phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 tháng tù tại bản án số 41/2017/HS-ST ngày 27/12/2017.

Tiền sự: không.

Bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (Theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

Ông Trương Quang N, sinh ngày 10/4/1969

Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Y, sinh ngày 25/10/1969

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Việt P, sinh ngày 30/8/1993

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 06/01/2019, Trần Minh V đang chơi ở nhà của mẹ vợ tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình thì V điện thoại cho Nguyễn Việt P để nhờ P chở về nhà. Lúc này, P đang nằm ngủ nhưng có Nguyễn Đức D đang chơi tại nhà P. D thấy P gọi điện thoại nên nghe máy. V nhờ D qua chở. Khoảng 20 phút sau, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73E1 – 11911 (xe của Nguyễn Việt P) đến chở V. Trên đường đi, D rủ V đi trộm chó để bán lấy tiền tiêu xài. V đồng ý. Khi đến cổng nước thuộc thôn T, xã Q, thị xã B thì D bảo V xuống xe, D đến tiệm cầm đồ để xe mô tô của anh P lại rồi lấy xe mô tô của mẹ D đã cầm cố trước đó. Sau đó D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển kiểm soát 73N4 – 2196 chở V đến một căn nhà hoang thuộc thôn T, xã Q, thị xã B để lấy dụng cụ đã chuẩn bị

trước đó gồm: 01 dây thong lọng, 03 cuộn băng dính màu đen, 01 chai nhựa đựng bột ớt già nhỏ; 01 đèn pin; 01 cái túi đựng 4 chai thủy tinh; 01 bao tải màu trắng. Sau khi chuẩn bị công cụ xong, V điều khiển xe chở D chạy lên hướng xã C, huyện Tuyên Hoá. Đến khoảng 01 giờ ngày 07/01/2019, V và D phát hiện con chó màu lông đen – vàng của anh Trương Quang N ở thôn S, xã C, huyện Tuyên Hoá nằm một bên đường, V điều khiển xe chạy chậm và dùng đèn pin dọi thẳng vào mặt con chó còn D nhảy xuống xe dùng dây thong lọng đi đến lồng vào cổ con chó rồi giật mạnh khiến cho con chó mắc vào dây thong lọng. D lên xe kéo lê con chó đi được khoảng 500m thì V dừng lại, D lấy băng dính quấn vào miệng con chó rồi bỏ vào bao lác đã chuẩn bị sẵn. Lúc này có người phát hiện rọi đèn theo sau nên V và D lên xe bỏ chạy được một quãng, thấy có người truy đuổi nên D vứt con chó xuống đường rồi cả hai bỏ chạy được một đoạn thì vứt xe mô tô lại. V và D chạy vào rừng trôn thì bị lực lượng công an phát hiện đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã C làm việc. Nguyễn Đức D và Trần Minh V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 12/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tuyên Hoá xác định: 01 (một) con chó đực, lông màu đen – vàng, trọng lượng 15,5 kg có tổng giá trị là 930.000 đồng (Chín trăm ba mươi nghìn đồng)

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá đã thu giữ:

- + Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đỏ - bạc - đen; biển kiểm soát 73N4 – 2196 (xe đã qua sử dụng)

- + 01 chai nhựa trong suốt, dài 19 cm, đường kính đáy chai 5 cm, bên trong chai đựng đầy bột ớt cay.

- + 04 vỏ chai thủy tinh, loại vỏ chai nước ngọt, trên thân chai có chữ NUMBER 1, mỗi chai dài 24 cm, đường kính đáy chai 5 cm.

- + 03 cuộn băng dính màu đen, nhãn hiệu NANO, các cuộn băng dính đã qua sử dụng.

- + 01 đèn chiếu sáng tự chế màu đen, được chế từ 3 đèn chiếu sáng đội đầu, trên thân đèn có buộc một sợi dây vải màu đen dài 80 cm.

- + 01 túi vải màu xám kích thước (45 x 30) cm, thân túi đã được cắt và dùng dây cước may thành 4 túi nhỏ, dọc túi vải có may thêm 1 sợi dây vải màu vàng dài 90 cm.

- + 01 bao lác màu trắng kích thước (120 x 0,65) cm, trên thân bao lác được khâu nhiều lỗ thủng nhỏ.

- + 01 thanh kim loại dài 75 cm, một đầu buộc một sợi dây bằng kim loại tạo thành vòng tròn có thể rút lại được.

- + Đối với 01 con chó đực lông màu đen – vàng, trong quá trình làm việc tại Ủy ban nhân dân xã C, ban Công an xã đã trao trả lại cho chủ sở hữu là anh Trương Quang N.

Hành vi của bị cáo đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá làm rõ.

Bản Cáo trạng số: 20/CT-VKSTH-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Nguyễn Đức D từ 6 đến 9 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Trần Minh V từ 6 đến 9 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy:

+ 01 chai nhựa trong suốt, dài 19 cm, đường kính đáy chai 5 cm, bên trong chai đựng đầy bột ớt cay.

+ 04 vỏ chai thuỷ tinh, loại vỏ chai nước ngọt, trên thân chai có chữ NUMBER 1, mỗi chai dài 24 cm, đường kính đáy chai 5 cm.

+ 03 cuộn băng dính màu đen, nhãn hiệu NANO, các cuộn băng dính đã qua sử dụng.

+ 01 đèn chiếu sáng tự chế màu đen, được chế từ 3 đèn chiếu sáng đội đầu, trên thân đèn có buộc một sợi dây vải màu đen dài 80 cm.

+ 01 túi vải màu xám kích thước (45 x 30) cm, thân túi đã được cắt và dùng dây cước may thành 4 túi nhỏ, dọc túi vải có may thêm 1 sợi dây vải màu vàng dài 90 cm.

+ 01 bao lác màu trắng kích thước (120 x 0,65) cm, trên thân bao tải được châm nhiều lỗ thủng nhỏ.

+ 01 thanh kim loại dài 75 cm, một đầu buộc một sợi dây bằng kim loại tạo thành vòng tròn có thể rút lại được.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đỏ - bạc - đen; biển kiểm soát 73N4 – 2196 (xe đã qua sử dụng) cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Y – là chủ sở hữu của chiếc xe.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trương Quang N không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V mỗi bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới. Các bị cáo nhất trí

với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình và của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên không xem xét gì thêm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý và bảo vệ tài sản của người bị hại là anh Trương Quang N, đã bắt trộm chó để bán lấy tiền tiêu xài. Các bị cáo là những thanh niên tuổi đời còn rất trẻ nhưng không chịu khó lao động để có thu nhập chính đáng và đảm bảo cuộc sống của mình mà lười lao động, thích hưởng lợi từ tài sản có sẵn của người khác. Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án này thấy rằng bị cáo D là người chủ mưu, khởi xướng việc trộm cắp tài sản. Bị cáo là người đã dùng xe máy Yamaha chở V đến căn nhà hoang chuẩn bị công cụ để bắt trộm chó và khi thấy một con chó nằm bên đường, D nhảy xuống xe dùng dây thòng lọng lồng vào cổ chó rồi giật mạnh khiến con chó mắc vào dây. D lên xe kéo con chó đi sau đó lấy băng dính quấn vào miệng con chó rồi cho vào bao lác đã chuẩn bị sẵn đưa đi tiêu thụ nên bị cáo D phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo V. Đối với Trần Minh V là kẻ đồng phạm khi nghe D rủ rê đi bắt trộm chó đã không ngăn cản mà đồng ý với D. V cũng là người điều khiển xe chở D đi thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy bị cáo cũng phải chịu một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V đã tổ chức thực hiện tội phạm theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng, chu đáo, có chuẩn bị phương tiện hoạt động từ trước, coi thường pháp luật và tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội. Sau khi bị phát hiện, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của anh Trương Quang N. Tài sản mà Nguyễn Đức D và Trần Minh V đã chiếm đoạt của anh Trương Quang N là một con chó đực, lông màu đen – vàng, trọng lượng 15,5 kg có tổng giá trị là 930.000 đồng (Chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó phù hợp với lời

khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm, giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của Kiểm sát viên. Do đó có đủ cơ sở khẳng định Nguyễn Đức D và Trần Minh V đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đúng như Bản cáo trạng và Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải vì vậy Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo.

[5] Về mức án mà Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Đức D từ 6 đến 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
- Bị cáo Trần Minh V từ 6 đến 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V là cố ý trực tiếp chiếm đoạt tài sản của anh Trương Quang N, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội cần được xử lý nghiêm. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị mức án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá và cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 để có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra đồng thời cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo và sửa chữa lỗi lầm của mình, trở thành người tiến bộ. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cần xem xét cho các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, phù hợp chính sách nhân đạo của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Ngày 16/01/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là anh Trương Quang N 01 (một) con chó đực, hai năm tuổi, lông màu đen – vàng, trọng lượng 15,5 kg; con chó đang sống bình thường. Xét thấy việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra đảm bảo theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đỏ - bạc - đen; biển kiểm soát 73N4 – 2196 (xe đã qua sử dụng), các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản là tài sản của gia đình Nguyễn Đức D. Ngày 12/3/2019, bà Nguyễn Thị Y là mẹ của Nguyễn Đức D có đơn xin nhận lại tài sản có xác nhận của Công an xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Bà Y không biết việc các bị cáo sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị Y là người quản lý hợp pháp.

- Đối với:

+ 01 chai nhựa trong suốt, dài 19 cm, đường kính đáy chai 5 cm, bên trong chai đựng đầy bột ớt cay.

+ 04 vỏ chai thủy tinh, loại vỏ chai nước ngọt, trên thân chai có chữ NUMBER 1, mỗi chai dài 24 cm, đường kính đáy chai 5 cm.

+ 03 cuộn băng dính màu đen, nhãn hiệu NANO, các cuộn băng dính đã qua sử dụng.

+ 01 đèn chiếu sáng tự chế màu đen, được chế từ 3 đèn chiếu sáng đội đầu, trên thân đèn có buộc một sợi dây vải màu đen dài 80 cm.

+ 01 túi vải màu xám kích thước (45 x 30) cm, thân túi đã được cắt và dùng dây cước may thành 4 túi nhỏ, dọc túi vải có may thêm 1 sợi dây vải màu vàng dài 90 cm.

+ 01 bao lác màu trắng kích thước (120 x 0,65) cm, trên thân bao tải được khâu nhiều lỗ thủng nhỏ.

+ 01 thanh kim loại dài 75 cm, một đầu buộc một sợi dây bằng kim loại tạo thành vòng tròn có thể rút lại được.

Đây là những vật chứng không có giá trị và không sử dụng được nên cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trương Quang N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Anh N không yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa, anh N vắng mặt nhưng quá trình điều tra, anh N không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Minh V 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Vật chứng vụ án:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đỏ - bạc - đen; biển kiểm soát 73N4 – 2196 (xe đã qua sử dụng) cho bà Nguyễn Thị Y là người quản lý hợp pháp.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu huỷ:

+ 01 chai nhựa trong suốt, dài 19 cm, đường kính đáy chai 5 cm, bên trong chai đựng đầy bột ớt cay.

+ 04 vỏ chai thủy tinh, loại vỏ chai nước ngọt, trên thân chai có chữ NUMBER 1, mỗi chai dài 24 cm, đường kính đáy chai 5 cm.

+ 03 cuộn băng dính màu đen, nhãn hiệu NANO, các cuộn băng dính đã qua sử dụng.

+ 01 đèn chiếu sáng tự chế màu đen, được chế từ 3 đèn chiếu sáng đội đầu, trên thân đèn có buộc một sợi dây vải màu đen dài 80 cm.

+ 01 túi vải màu xám kích thước (45 x 30) cm, thân túi đã được cắt và dùng dây cước may thành 4 túi nhỏ, dọc túi vải có may thêm 1 sợi dây vải màu vàng dài 90 cm.

+ 01 bao lác màu trắng kích thước (120 x 0,65) cm, trên thân bao tải được khâu nhiều lỗ thủng nhỏ.

+ 01 thanh kim loại dài 75 cm, một đầu buộc một sợi dây bằng kim loại tạo thành vòng tròn có thể rút lại được.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Đức D và Trần Minh V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/4/2019). Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Công an huyện Tuyên Hóa;
- TAND tỉnh QB;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đoàn Thị Bích Thủy